

Số: 267 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2019

KẾ HOẠCH
Triển khai công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2020

Căn cứ Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của thành phố Hà Nội, Để thực hiện có kết quả các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2020 của Thành phố ngay từ đầu năm, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2020 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Nhằm ổn định quy mô dân số, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên; giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Chỉ tiêu

- Giảm tỷ suất sinh thô: **0,1 ‰** so với năm 2019.
- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên: **0,1 %** so với năm 2019.
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ tăng thêm: **3%**.
- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (% số bà mẹ mang thai): **80%**.
- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (% số trẻ sơ sinh): **85%**.
- Tỷ số giới tính khi sinh (số trẻ trai/100 trẻ gái): **không quá 113**.
- Số người áp dụng BPTT mới: **373.010** người.

(Chi tiết theo Phụ lục số 1,2)

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền về thực hiện công tác dân số. Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 27/01/2018, Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/4/2018 về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố, Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 13/7/2017 của UBND Thành phố về một số giải pháp tăng cường công tác Dân

số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện “Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025” trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố về việc triển khai Kế hoạch phát triển thể lực tầm vóc người Hà Nội đến năm 2030. Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 14/11/2016 của UBND thành phố Hà Nội về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 12/9/2017 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thực hiện Kế hoạch xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD/CSSKSS trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số của Thủ đô đến năm 2030 theo Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Đẩy mạnh các hoạt động mô hình nâng cao chất lượng dân số Thủ đô trong tình hình mới.

- Các Quận, Huyện, Thị ủy, HĐND, UBND quận, huyện, thị xã triển khai các văn bản của Trung ương và Thành phố, xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện hướng dẫn của Thành phố đến cơ sở, các Chi bộ đảng, thôn, làng và tổ dân phố, lồng ghép công tác dân số với chương trình kinh tế - xã hội của địa phương nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của Thành phố giao năm 2020.

- Các quận, huyện, thị xã hoàn thành việc giao chỉ tiêu kế hoạch và hướng dẫn các xã, phường, thị trấn thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trong tháng 01/2020 cho các xã, phường, thị trấn. Đôn đốc, chỉ đạo các xã, phường, thị trấn giao chỉ tiêu kế hoạch và triển khai các hoạt động tới các thôn, làng, tổ dân phố chậm nhất trong tháng 02/2020.

2. Công tác phối hợp liên ngành

- Sở Y tế tham mưu Ban Chỉ đạo công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình Thành phố triển khai kế hoạch phối hợp các ban, ngành, đoàn thể Thành phố và quận, huyện, thị xã về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm về hoạt động truyền thông, giáo dục; Kiểm tra, thanh tra thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2020; Lồng ghép các nội dung truyền thông về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình phù hợp với đặc thù của từng ban, ngành, đoàn thể góp phần tạo sự đồng thuận của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Các cơ quan truyền thông Thành phố phối hợp đưa các tin, bài phản ánh kịp thời về các hoạt động chính của công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trong năm và tuyên truyền về các nội dung chuyên đề trong công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Các sự kiện nhân kỷ niệm Ngày Dân số Thế giới, Tháng hành động quốc gia về dân số, ngày dân số Việt Nam 26.12; biểu dương các gia đình, cá nhân tập thể thực hiện tốt chính sách dân số.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu đề xuất UBND Thành phố cân đối, bố trí kinh phí đảm bảo chỉ tiêu, định mức theo các Kế hoạch của Thành phố chi cho công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và các Đề án, Kế

hoạch do UBND Thành phố phê duyệt nhằm hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch của Thành phố.

- Sở Nội vụ phối hợp Sở Y tế đảm bảo chế độ, chính sách, duy trì và tuyển dụng đủ biên chế làm công tác dân số tại phòng Dân số của Trung tâm Y tế 30 quận, huyện, thị xã và các xã, phường, thị trấn nhằm đảm bảo nguồn nhân lực cho công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố.

- Sở Tư pháp, Công an Thành phố, Cục Thống kê: Tăng cường công tác quản lý, thống nhất số liệu dân số theo định kỳ; phối hợp quản lý dân số trên địa bàn Thành phố.

- Các Sở, ngành tập trung triển khai nhiệm vụ đã được phân công tại Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/4/2018 và các Kế hoạch của UBND Thành phố về công tác dân số góp phần hoàn thành chỉ tiêu chung của Thành phố.

3. Công tác tổ chức cán bộ, đầu tư kinh phí, nguồn lực

- Kiện toàn Lãnh đạo Trung tâm Y tế phụ trách công tác dân số, lãnh đạo Phòng Dân số và cán bộ dân số các cấp đảm bảo đủ chỉ tiêu viên chức làm công tác dân số của Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã và viên chức làm dân số tại xã, phường, thị trấn. Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực, nghiệp vụ công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cho cán bộ dân số các cấp; Quán triệt thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch về công tác dân số của Thành phố. Tổ chức học tập và trao đổi kinh nghiệm, hợp tác, đào tạo quản lý dân số; Cử cán bộ theo học các lớp đào tạo dân số do Trung ương, Thành phố tổ chức và các tổ chức quốc tế tài trợ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tiếp tục rà soát, hướng dẫn các quận, huyện thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố và cân đối kinh phí nguồn quận, huyện thực hiện chương trình dân số nhằm hoàn thành chỉ tiêu Thành phố giao.

4. Thực hiện các nội dung chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

a) Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình

- Tập trung thực hiện Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lòng ghép, cung cấp các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số ở cơ sở ngay trong Quý I/2020. Đổi mới phương thức cung cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ tới người sử dụng.

- Đảm bảo cung ứng các phương tiện tránh thai miễn phí cung cấp cho các đối tượng theo đúng hướng dẫn và chỉ tiêu kế hoạch phân bổ năm 2020. Xây dựng kế hoạch, phân bổ chỉ tiêu cụ thể các biện pháp tránh thai cho từng quận, huyện, thị xã. Sở Y tế chỉ đạo tiếp nhận, quản lý, phân phối phương tiện tránh thai và cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đảm bảo chất lượng dịch vụ.

- Đẩy mạnh công tác xã hội các phương tiện tránh thai trên địa bàn Thành phố theo Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 12/9/2017 của UBND Thành phố về

triển khai thực hiện “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD/SKSS trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020”.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và kỹ năng quản lý đối tượng cho cán bộ dân số các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ CSSKSS/KHHGD, đảm bảo an toàn sử dụng phương tiện tránh thai.

b) Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, năm 2019 tiếp tục không chế tỷ số giới tính khi sinh ở mức 113/100. Tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông vận động về giới và mất cân bằng giới tính khi sinh;

- Tiếp tục thực hiện Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016-2020, đảm bảo tiến độ, chỉ tiêu đề ra theo Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội, Kế hoạch số 2473/KH-SYT ngày 06/6/2016 về triển khai Đề án Tầm soát, phát hiện sớm một số tật, bệnh bẩm sinh thông qua chẩn đoán, sàng lọc trước sinh và sơ sinh của thành phố Hà Nội và các quận, huyện giai đoạn 2016-2020.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện “Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025” trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025 nhằm đảm bảo tiến độ. Thực hiện Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 về phát triển thể lực, tầm vóc người Hà Nội đến năm 2030.

- Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên/thanh niên thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020; Triển khai các hoạt động Truyền thông, giáo dục chuyên đổi hành vi nhằm nâng cao kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành của vị thành niên/thanh niên về Kế hoạch hóa gia đình phần đầu 70% vị thành niên/thanh niên hiểu biết cơ bản về một số vấn đề Dân số - Kế hoạch hóa gia đình như các biện pháp tránh thai, tác hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cung cấp kiến thức và đào tạo kỹ năng cho đội ngũ báo cáo viên và cán bộ chuyên môn thực hiện chương trình và mô hình.

- Triển khai, duy trì các hoạt động can thiệp, mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số tại 30 quận, huyện, thị xã: Mô hình chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; Mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; Mô hình chăm sóc SKSS vị thành niên; Mô hình can thiệp truyền thông CSSKSS/KHHGD tới vùng dân cư đặc thù (khu Làng nghề truyền thống, khu Công nghiệp, vùng Công giáo, vùng Dân tộc ít người, vùng Dân di cư tự do); Giảm thiểu tình trạng trẻ em béo phì; Các mô hình khác theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số.

c) Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá

- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý chương trình dân số các cấp đặc biệt



là Ban Chỉ đạo công tác Dân số các quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn. Tổ chức giao ban Ban Chỉ đạo công tác dân số định kỳ; giao ban Ban Quản lý chương trình đánh giá kết quả hoạt động công tác dân số định kỳ và cả năm.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn phù hợp với công tác dân số trong tình hình hiện nay. Tập huấn, bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng cho các báo cáo viên của quận, huyện, thị xã và báo cáo viên cấp Thành phố. Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ của Chi cục Dân số, cán bộ dân số quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành, đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp số liệu và dự báo dân số ở các cấp, đưa các chỉ tiêu dân số gắn với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội ngay từ cấp xã/phường/thị trấn.

- Đẩy mạnh và đổi mới phương thức truyền thông thường xuyên và các đợt cao điểm. Phát động và thực hiện truyền thông cao điểm trong chiến dịch tại các xã trọng điểm và các quận, huyện, thị xã có tỷ lệ tăng sinh và sinh con thứ 3 trở lên. Đẩy mạnh truyền thông nâng cao chất lượng dân số, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh ở các địa bàn có tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh cao. Tập trung tuyên truyền chính sách dân số đối với cán bộ lãnh đạo và cán bộ các ban, ngành, đoàn thể Thành phố và các quận, huyện, thị xã và ở cơ sở. Tổ chức các hoạt động sinh hoạt Câu lạc bộ, nói chuyện chuyên đề, thực hiện tư vấn cho các nhóm đối tượng đặc thù.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, giao lưu học hỏi, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các nước trên thế giới về những vấn đề ưu tiên trong công tác Dân số của Việt Nam nói chung và Thủ đô nói riêng như: duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số, tận dụng cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số... Đồng thời trao đổi chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương trong cả nước.

5. Thực hiện các Đề án, Kế hoạch của Thành phố

- Đề án Tầm soát, phát hiện sớm một số tật, bệnh bẩm sinh thông qua chẩn đoán, sàng lọc trước sinh và sơ sinh của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

- Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 14/11/2016 của UBND thành phố Hà Nội về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025.

- Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 12/9/2017 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thực hiện Kế hoạch xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ/CSSKSS trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020.

- Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện “Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025” trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025.

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố về việc triển khai Kế hoạch phát triển thể lực tâm vóc người Hà Nội đến năm 2030.

Tổ chức học tập trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và phát triển thể lực tâm vóc người Hà Nội với các nước trong khu vực và trên thế giới.

6. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Ban Chỉ đạo công tác Dân số Thành phố tập trung giám sát triển khai nhiệm vụ trọng tâm của các quận, huyện, thị xã trong Quý I/2020; Kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch của Thành ủy và UBND Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới. Ban Chỉ đạo Dân số các quận, huyện, thị xã kiểm tra, giám sát các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình. Giám sát các hoạt động truyền thông cao điểm, trọng điểm: Ngày Dân số Thế giới 11/7, Ngày Dân số Việt Nam 26/12 và tháng hành động quốc gia về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Kiểm tra, thanh tra và giám sát việc xử lý các trường hợp vi phạm chính sách dân số theo quy định. Các quận, huyện, thị xã kiểm tra, thanh tra các cơ sở y tế tư nhân về dịch vụ CSSKSS/KHHGD, các nhà sách cung cấp các ấn phẩm, không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức;

- Tổ chức thực hiện các khảo sát, đánh giá, đề tài nghiên cứu khoa học liên quan nhằm xây dựng, quản lý, điều hành, triển khai hoạt động và đánh giá các mục tiêu của công tác dân số về ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số và ổn định cơ cấu dân số.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Cơ quan Thường trực triển khai Kế hoạch của Thành phố, tổng hợp, đánh giá các hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách của Trung ương và Thành phố giao. Hướng dẫn các quận, huyện, thị xã triển khai các Kế hoạch, Đề án về dân số của Thành phố năm 2020.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện công tác Dân số năm 2020. Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố về công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Thành phố

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2020 và phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước, Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Thành phố về công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Đảm bảo các quy định về nguồn lực phục vụ công tác dân số trên địa bàn thành phố như: Định mức kinh phí, nhân lực, biên chế và công tác tuyển dụng cán bộ ở các cấp theo quy định.

3. UBND các quận, huyện, thị xã

a) Giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2020

UBND các quận, huyện, thị xã hoàn thành công tác giao chỉ tiêu kế hoạch, các chỉ tiêu giám sinh, giảm sinh con thứ 03 trở lên, chỉ tiêu sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh, chỉ tiêu sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại, chỉ tiêu người cao tuổi tăng thêm được khám sức khỏe định kỳ năm 2020 cho các xã, phường, thị trấn. Đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Thành phố giao cho các quận, huyện, thị xã.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo: tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy và Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/4/2018 của UBND Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 13/7/2017 của UBND Thành phố; Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đối với các xã, phường, thị trấn; triển khai các văn bản của Quận, Huyện, Thị ủy đến Chi bộ đảng cơ sở, thôn, làng và tổ dân phố.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác dân số năm 2020. Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo dân số cấp huyện, phối hợp với Sở Y tế, phối hợp liên ngành trong thực hiện các hoạt động công tác dân số tại địa phương.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án, Kế hoạch của Thành phố và đảm bảo kinh phí địa phương cho hoạt động theo chỉ đạo của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện (qua Sở Y tế tổng hợp)./. ~~g~~


Nơi nhận:

- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Tổng cục DS-KHHGD - BYT;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Ban VH-XH HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Chi cục DS-KHHGD;
- VPUB: CVP, PCVP Đ. H. Giang;
Phòng: KGVX, KT, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

<43211>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH 

PHÓ CHỦ TỊCH 



Ngô Văn Quý

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH GIAO CHỈ TIÊU DÂN SỐ THÀNH PHỐ NĂM 2020

(Kèm theo Kế hoạch số: *267* /KH-UBND ngày *24*/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2020					
		Chỉ tiêu giảm tỷ suất sinh (‰)	Chỉ tiêu giảm tỷ lệ sinh con thứ 3+ (%)	Tỷ lệ thai phụ được tuyên truyền tư vấn (%)	Tỷ lệ thai phụ được sàng lọc trước sinh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ tăng thêm tối thiểu trong năm (%)
Toàn Thành phố		0,1	0,1	100	80	85	3,0
1	Ba Đình	0,02	0,01	100	84	87	2
2	Hoàn Kiếm	0,01	0,01	100	84	87	2
3	Hai Bà Trưng	0,01	0,01	100	84	89	2
4	Đống Đa	0,02	0,01	100	84	89	2
5	Thanh Xuân	0,01	0,01	100	84	87	2
6	Tây Hồ	0,02	0,01	100	86	87	2
7	Cầu Giấy	0,02	0,01	100	84	87	2
8	Hoàng Mai	0,02	0,01	100	82	87	3
9	Long Biên	0,03	0,02	100	82	89	3
10	Nam Từ Liêm	0,05	0,01	100	82	87	3
11	Bắc Từ Liêm	0,02	0,02	100	82	87	3
12	Sóc Sơn	0,10	0,15	100	80	83	3
13	Đông Anh	0,05	0,10	100	78	83	3
14	Gia Lâm	0,10	0,03	100	78	83	3
15	Thanh Trì	0,10	0,10	100	78	85	3
16	Hà Đông	0,03	0,03	100	82	87	3
17	Sơn Tây	0,01	0,10	100	78	86	3
18	Ba Vì	0,05	0,15	100	76	86	3
19	Phúc Thọ	0,10	0,15	100	78	83	4
20	Đan Phượng	0,10	0,15	100	76	85	4
21	Thạch Thất	0,20	0,20	100	76	85	4
22	Hoài Đức	0,10	0,15	100	76	83	4
23	Quốc Oai	0,10	0,15	100	82	83	4
24	Chương Mỹ	0,20	0,20	100	80	83	4
25	Thanh Oai	0,15	0,10	100	76	80	4
26	Thường Tín	0,13	0,15	100	78	80	4
27	Ứng Hòa	0,15	0,20	100	78	88	4
28	Phú Xuyên	0,20	0,20	100	75	80	4
29	Mỹ Đức	0,20	0,20	100	76	80	4
30	Mê Linh	0,15	0,20	100	78	84	4

KẾ HOẠCH GIAO CHỈ TIÊU CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI NĂM 2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 267 /KH-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Đơn vị	Dụng cụ tử cung			Thuốc cấy tránh thai			Thuốc tiêm tránh thai			Viên uống tránh thai			Bao cao su		
		Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và xã hội hóa	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và xã hội hóa	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và xã hội hóa	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và xã hội hóa	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và xã hội hóa
	Tổng	43.520	570	42.950	240	0	240	1.090	10	1.080	86.430	1.140	85.290	241.730	3.190	238.540
1	Ba Đình	830	0	830	4	0	4	0	0	0	2.200	0	2.200	14.600	0	14.600
2	Hoàn Kiếm	730	0	730	6	0	6	0	0	0	1.800	0	1.800	12.450	0	12.450
3	Hai Bà Trưng	1.350	0	1.350	4	0	4	0	0	0	3.700	0	3.700	18.200	0	18.200
4	Đống Đa	1.370	0	1.370	9	0	9	0	0	0	3.150	0	3.150	18.700	0	18.700
5	Thanh Xuân	720	0	720	10	0	10	0	0	0	3.150	0	3.150	13.000	0	13.000
6	Tây Hồ	770	0	770	3	0	3	0	0	0	1.800	0	1.800	5.500	0	5.500
7	Cầu Giấy	660	0	660	2	0	2	0	0	0	3.350	0	3.350	14.750	0	14.750
8	Hoàng Mai	1.170	0	1.170	6	0	6	0	0	0	3.850	0	3.850	16.800	0	16.800
9	Long Biên	1.270	0	1.270	8	0	8	0	0	0	4.750	0	4.750	16.650	0	16.650
10	Bắc Từ Liêm	950	0	950	14	0	14	0	0	0	3.450	0	3.450	12.500	0	12.500
11	Nam Từ Liêm	600	0	600	4	0	4	0	0	0	1.300	0	1.300	9.000	0	9.000
12	Sóc Sơn	2.300	0	2.300	12	0	12	90	0	90	5.800		5.800	7.500	0	7.500
13	Đông Anh	2.400	0	2.400	8	0	8	50	0	50	5.400		5.400	8.300	0	8.300
14	Gia Lâm	1.550	0	1.550	10	0	10	50	0	50	3.250		3.250	7.800	0	7.800
15	Thanh Trì	1.050	0	1.050	8	0	8	25	0	25	3.050		3.050	8.600	0	8.600
16	Hà Đông	1.400	0	1.400	9	0	9	0	0	0	2.400		2.400	4.800	0	4.800
17	Sơn Tây	1.400	0	1.400	3	0	3	50	0	50	1.700		1.700	3.200	0	3.200
18	Ba Vì	3.000	90	2.910	15	0	15	110	2	108	2.550	150	2.400	4.300	600	3.700
19	Phúc Thọ	2.000		2.000	4	0	4	55	0	55	1.780		1.780	2.750		2.750
20	Đan Phượng	1.150		1.150	6	0	6	50	0	50	2.050	100	1.950	3.250		3.250
21	Thạch Thất	1.850	60	1.790	3	0	3	70	2	68	3.150	150	3.000	4.300	600	3.700
22	Hoài Đức	1.600		1.600	10	0	10	60	0	60	2.140		2.140	5.500		5.500
23	Quốc Oai	1.800	60	1.740	11	0	11	100	2	98	3.150	150	3.000	4.400	500	3.900
24	Chương Mỹ	2.500	80	2.420	15	0	15	105	2	103	3.550	150	3.400	4.800	340	4.460
25	Thanh Oai	1.300	40	1.260	5	0	5	50	0	50	1.830	50	1.780	2.950		2.950
26	Thường Tín	2.300	70	2.230	10	0	10	50	0	50	3.050	50	3.000	4.000	250	3.750
27	Ứng Hoà	1.050	30	1.020	5	0	5	65	0	65	3.170	100	3.070	4.600		4.600
28	Phú Xuyên	1.850	60	1.790	6	0	6	25	0	25	1.020	50	970	1.550		1.550
29	Mỹ Đức	1.300	40	1.260	18	0	18	70	2	68	1.730	100	1.630	3.200	600	2.600
30	Mê Linh	1.300	40	1.260	12	0	12	15	0	15	3.160	90	3.070	3.780	300	3.480